

trung, quercetin có tác dụng ức chế co bóp của hồi trường, nồng độ ức chế 50% co bóp K_{50} là khoảng 10 $\mu\text{mol/lit}$. Quercetin là flavon tự nhiên có tác dụng ức chế mạnh sự giải phóng histamin từ các tế bào ưa kiềm (basophils) do kháng nguyên gây nên.

Ngoài ra, rutin còn có tác dụng bảo vệ gan, thí nghiệm trên chuột cống trắng, dùng tetrachlorua carbon gây tổn thương gan thì hoạt động của men cytochrom P-450 bị ức chế, dùng rutin bằng đường da dày với liều 100 mg/kg có tác dụng kích hoạt trở lại hoạt động của men trên.

Đối với hệ cơ trơn của ruột và khí phế quản, quercetin có tác dụng làm giảm trương lực cơ, tác dụng giải cơ thắt cơ trơn của quercetin lớn hơn nhiều so với rutin.

Đáng quan tâm là người ta phát hiện rutin và quercetin có tác dụng gây đột biến (mutagenicity) khi tiến hành thí nghiệm với *Salmonella typhimuricum* TA 1535, TA100, TA 1537 và TA 1538. Do đó, người ta đã tiến hành nghiên cứu nhiều thí nghiệm để xem chúng có khả năng gây ung thư hay không. Trên chuột cống trắng dùng thức ăn có 10% rutin hoặc 10% quercetin, dùng liên tục trong 85 ngày, kết quả không có sự khác nhau có ý nghĩa về tần suất xuất hiện khối u giữa lô dùng thuốc và lô chứng. Trên chuột nhắt trắng nuôi với chế độ an có 2% quercetin từ tuổi 6 tuần lễ đến suốt đời, kết quả không có sự khác nhau có ý nghĩa về tần suất xuất hiện khối u giữa lô dùng thuốc và lô chứng. Kết quả cũng giống như vậy khi chuột hamster được nuôi với chế độ an có 10% rutin hoặc 10% quercetin. Thí nghiệm trên chuột cống trắng Fischer, quercetin cũng không có tác dụng gây ung thư, rutin dùng cho chuột cống trắng Sprague - Dawley cũng có kết quả tương tự. Như vậy, rutin và quercetin đã được khẳng định là không có tác dụng gây ung thư. Mặt khác quercetin còn được chứng minh là có tác dụng ức chế khối u do 12 - O - tetradecanoylphorbol 13 - acetat (TPA) gây nên.

Nghiên cứu được động học về quercetin trên người cho thấy quá trình đào thải trong cơ thể của quercetin là 2 pha với $t_{1/2\alpha} = 8,8$ phút và $t_{1/2\beta} = 2,4$ giờ sau khi dùng một liều đơn độc. Trong máu đang liên kết với protein chiếm 98%. Có khoảng 7,4% của liều tiêm tĩnh mạch được bài tiết qua nước tiểu dưới dạng liên kết và khoảng 0,6% dưới dạng nguyên thể. Dùng qua đường uống, nồng độ thuốc trong máu rất thấp không đo được.

Tính vị, công năng

Hoa hòe có vị đắng, tính mát, vào 2 kinh can và đại tràng, có tác dụng thanh nhiệt, lương huyết, chỉ huyết. Quả hòe có vị đắng, tính hàn

Công dụng

Trong y học hiện đại, nu hòe và rutin được dùng làm thuốc cầm máu trong các trường hợp xuất huyết. để phòng tai biến do mạch máu bị xơ vữa, giòn dễ vỡ, khi có biểu hiện về tổn thương mao mạch, xuất huyết dưới da, xuất huyết võng mạc, xuất huyết có liên quan đến xơ vữa động mạch, tạng huyết áp. Thuốc còn dùng chữa bệnh tạng huyết áp thể vừa và nhẹ, hạn chế được sự xuất hiện chảy máu não nhờ củng cố được thành mạch, giảm khả năng sinh ra các vi túi phình là nơi xung huyết dễ vỡ. Do đó, người cao tuổi bị tăng huyết áp nên dùng hòe. Ngoài tác dụng điều trị đối với các rối loạn mạch máu do tăng huyết áp, hòe còn được dùng cho xơ vữa động mạch, bệnh mạch do đại tháo đường, bệnh võng mạc và thiếu nang tuần hoàn não. Dùng dưới dạng nu hòe, quả hòe sắc nước uống hoặc dưới dạng hoạt chất rutin. Rutin thường được dùng cho những bệnh nhân tăng huyết áp, mao mạch dễ vỡ để phòng dứt mạch máu não, xuất huyết cấp tính do viêm thần. Có thể dùng phối hợp với papaverin.

Liều dùng: Nu hòe sao vàng mỗi ngày dùng 6 - 20g sắc nước uống hoặc hãm uống như chè. Viên rutin 0,02g và viên rutin-C' gồm rutin 0,02g và vitamin C 0,05g. Mỗi lần uống 1 - 2 viên, mỗi ngày uống 2 - 3 lần. Trên thị trường quốc tế còn có loại thuốc tiêm rutin tan, được gọi là Solurutin dùng để tiêm bắp thịt hoặc tĩnh mạch khi cần thiết.

Theo y học cổ truyền, hòe điều trị trường phong tiện huyết (t. ngoài ra máu tích phong nhiệt), máu huyết, huyết làm, bang lâu, trĩ ra máu, chảy máu cam, nôn ra máu, tạng huyết áp.

Bài thuốc có hòe

1. Chữa di ngoài ra máu:

Nu hòe (sao) 20g, lá trắc bá (sao) 20g, chỉ xác 12g, hoàng liên 8g, kinh giới 8g. Thái nhỏ sắc với 400 ml nước còn 100 ml. Chia làm 2 lần uống trong ngày.

2. Chữa tăng huyết áp, đau đầu choáng váng, ngón tay hơi tê, đầu óc căng thẳng, khó ngủ.

Nu hòe (sao vàng), hạt muồng (sao); hạt vừng bằng nhau, tán bột, mỗi lần uống 5g, ngày dùng 10 - 20g, hoặc dùng riêng mỗi vị 10g sắc nước uống.

3. Chữa tạng huyết áp, đau mắt:

Nụ hòe 10g, lá sen hoặc ngó sen 10g, cúc hoa vàng 4g. Sắc nước uống.

4. *Chữa băng lâm hạ huyết (ra máu nhiều) ở phụ nữ:*

Hạt hòe 250g (tẩm rượu sao), đan sâm 125g (tẩm giấm sao), hương phụ 60g (ngâm đồng tiện sao). Tất cả nghiền thành bột, làm thành viên nhỏ, mỗi buổi sáng uống 15g với cháo

5. *Chữa sốt xuất huyết khi sốt đã lui mà còn xuất huyết nhẹ, chảy máu đờm dãi, trẻ em đổ máu cam, chảy máu chân răng*

Quả hòe sống, mỗi ngày dùng 10g sắc nước uống

6. *Chữa lòi dom:*

Quả hòe phối hợp với khổ sâm, lương băng nhau, nghiền thành bột mịn, hòa với nước, dùng bôi ngoài.

7. *Chữa trĩ nội, viêm ruột:*

Quả hòe 100g (sao kỹ đến khi có màu tím sẫm), kim ngân hoa 100g, cam thảo dày 12g, nghệ vàng 10g. Tán bột, trộn đều. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 8g vào lúc đói (kinh nghiệm của lương y Âm, Kün Sơn - Ninh Bình).

Chú ý: Phụ nữ có thai không được dùng quả hòe, vì dễ bị sảy thai.

424. HOÈ BIỂN

Sophora tomentosa L.

Tên khác:	Hoè lông.
Tên nước ngoài:	Silver bush, seacost laburnum (Anh)
Họ:	Đậu (Fabaceae).

Mô tả



Hoè biển - *Sophora tomentosa* L.

Cây nhỏ, cao 2 - 4m. Thân thẳng, cành tròn, khôc. Lá kép lông chim lẻ, mọc so le, có 17 - 23 lá chét mọc

đối, hình trứng, dài 2,5 - 4,5cm, rộng 2 - 3,5cm, gốc và đầu tròn, mặt trên màu lục pha trắng nhạt bóng, mặt dưới có lông 10 mềm, màu trắng; cuống lá dài 12 - 18cm, không có lá kèm.

Cụm hoa mọc thẳng đứng ở ngọn thành chùm dày, dài 10 - 20cm, cuống có lông, gồm rất nhiều hoa màu vàng xám; đài hình trụ, có lông ở mặt ngoài, rất nhỏ; tràng có cánh cờ hình bầu dục, gần tròn, cánh bên thuôn có tai tròn, cánh thìa thẳng, như 10, rời, bầu có lông.

Quả hình tràng hạt, dài 5 - 10cm, có lông mềm, hạt hình cầu, màu vàng bản.

Tất cả các bộ phận của cây đều có màu trắng nhạt

Mùa hoa quả: tháng 9 - 12

Phân bố, sinh thái

Hoè biển mọc tự nhiên ở vùng ven biển thuộc các nước vùng nhiệt đới Đông Nam Á. Giới hạn phân bố của cây về phía bắc đến Trung Quốc và quần đảo Ryukyu, phía nam đến đông Australia và phía đông đến tận Polynesia. Ở Việt Nam, hòe biển phân bố ở hầu hết các tỉnh dọc theo bờ biển từ Quảng Ninh đến Bà Rịa - Vũng Tàu và các đảo lớn như Cát Bà, Hon Mê, Côn Đảo, Phú Quốc. Những tỉnh có hòe biển phân bố tương đối tập trung là Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam và Quảng Ngãi